

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06- 4- 2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Anh T, sinh năm 1981; có mặt.

Hộ khẩu thường trú: Số 168a, ấp HTĐ, xã LHB, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

Tạm trú: Số 230, ấp BHB, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Lê Thị K, sinh năm 1980; vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Số 461 ấp VBA, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

Tạm trú: Số 230, ấp BHB, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử anh Phạm anh T trình bày là anh T và chị Lê Thị K chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 3(âm lịch)/2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Sống chung với nhau được khoảng ba tháng, đến tháng 7(âm lịch)/2017 thì xa nhau đến nay. Nguyên nhân là do chị K không quan tâm đến gia đình mà thường đi đánh bài, thời gian xa nhau anh T và chị K vẫn sống chung nhà nhưng không chung sống với nhau, ban ngày chị K đi đâu và làm gì anh T không biết, đến khoảng hơn 19 giờ thì chị K về nhà, tuy nhiên có đêm không về nhà ngủ. Do không còn tình cảm với chị K, nên anh T yêu cầu được ly

hôn chị K; về nuôi con chung: Anh T và chị K không có con chung; về chia tài sản: Anh T và chị K không có tài sản; về nợ chung: Không có.

Chị Lê Thị K thống nhất với anh Phạm Anh T về thời gian chị K và anh T chung sống với nhau như vợ chồng và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Về thời gian xa nhau thì chị K cho rằng là vào tháng 9 (âm lịch)/2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không muốn sống chung với chị K, anh T không ăn thức ăn do chị K nấu, chị K thừa nhận có đánh bài nhưng chỉ vui chơi. Nay chị K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T; về nuôi con chung: Chị K và anh T không có con chung; về chia tài sản, về nợ chung: Chị K thống nhất với lời trình bày của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Phạm Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Lê Thị K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh T và chị K thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị K có địa chỉ cư trú số 230, ấp BHB, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị K, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng chị K vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân;

Từ tháng 3(âm lịch)/2017 đến tháng 7(âm lịch)/2017, anh Phạm Anh T và chị Lê Thị K chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là thật, được các đương sự thừa nhận và có xác nhận ngày 09/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã VT, ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã LHB, về việc anh T và chị K chưa đăng ký kết hôn tại địa phương để chứng minh.

Pháp luật quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Xét thấy hôn nhân giữa anh T và chị K có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không tuân thủ về đăng ký kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Mà hậu quả của việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó khi anh T yêu cầu ly hôn chị K và chị K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T thì Tòa án cũng không ghi nhận sự tự nguyện ly hôn để làm căn cứ quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự, mà phải đưa vụ án ra xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Anh T và chị Lê Thị K.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị K không có con chung.

[4] Về chia tài sản: Anh T và chị K không có tài sản.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Anh T và chị Lê Thị K.

2. Về nuôi con chung: Anh T và chị K không có con chung.

3. Về chia tài sản: Anh T và chị K không có tài sản.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001362 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Anh T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đ/s;
- UBND xã LHB, VT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thúy Hằng